

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HS-ST

Ngày 22-02-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Bá Đức

2. Bà Trần Thị Sâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Kim Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn Phước D. Giới tính: Nam.

- Tên gọi khác: Không.

- Sinh ngày 30/10/2002, tại tỉnh Bến Tre.

- Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Nghề nghiệp: Làm thuê.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

- Trình độ học vấn: Lớp 9/12.

- Họ tên cha: Trần Thanh H, sinh năm 1974.

- Họ tên mẹ: Đỗ Thị T, sinh năm 1982.

- Bị cáo có 01 người em ruột sinh năm 2016.

- Bị cáo chưa có vợ, con.
- Tiền án, tiền sự: Không.
- Bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2023 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bùi Thanh P. Giới tính: Nam.

- Tên gọi khác: Không.
 - Sinh ngày 26/4/1999, tại tỉnh Bến Tre.
 - Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: ấp B, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.
 - Nghề nghiệp: Làm thuê.
 - Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.
 - Trình độ học vấn: Lớp 6/12.
 - Họ tên cha: Bùi Tấn X, sinh năm 1977.
 - Họ tên mẹ: Huỳnh Thanh T, sinh năm 1979.
 - Bị cáo có 01 người em ruột, sinh năm 2002.
 - Vợ: Đặng Thị Thùy T, sinh năm 1998, nghề nghiệp nội trợ, trú tại ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, có 01 người con sinh năm 2020.
 - Tiền án, tiền sự: Không.
 - Bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2023 cho đến nay.
- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

- + Bà Đặng Thị P, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin vắng).
- + Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1980; địa chỉ cư trú: ấp T, xã T1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Có đơn xin vắng).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Thanh H, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 18/6/2023, Bùi Thanh P rủ Trần Văn Phước D đi tìm người bán vé số dạo trên các tuyến đường để cướp giật tài sản thì D đồng ý. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71B4-047.75 chở D đến Đường DX01 xã T, đoạn thuộc ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, cả hai nhìn thấy bà Đặng Thị P điều khiển xe đạp đi bán vé số chạy cùng chiều phía trước nên P dừng xe cho D hỏi mua vé số nhằm mục đích tiếp cận tài sản. Bà P dừng

xe, lấy sấp vé số đưa cho D chọn mua 01 tờ. Sau khi nhận vé số và tiền thừa từ bà P, D nhét vào túi quần sau của P, P khởi động máy xe, D liền dùng tay phải giật lấy túi xách của bà P đang cầm trên tay rồi tăng ga tẩu thoát. Khi đến địa bàn xã A, huyện Mỏ Cày Nam, thì dừng lại D kiểm tra bên trong túi xách có 1.020.000 đồng nên lấy 20.000 đồng bỏ vào túi quần phía sau bên phải của P, còn 1.000.000 đồng D cất giữ, rồi vứt túi xách xuống mương nước. P tiếp tục điều khiển xe đến thị trấn Mỏ Cày, D chia cho P 500.000 đồng. Sau khi bị giật túi xách, bà P truy hô và trình báo Công an. Chiều cùng ngày, hành vi phạm tội của cả hai bị cơ quan chức năng phát hiện, D và P nộp số tiền 1.000.000 đồng vừa cướp giật được, số tiền còn lại cả hai tiêu xài cá nhân hết.

* Vật chứng được thu giữ:

- 01 (một) túi xách, túi đeo chéo, màu xanh, dây đeo màu đen, trên túi xách có ghi dòng chữ “XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG ngày thứ 7”.

- Bùi Thanh P giao nộp:

+ Tiền Việt Nam đồng là 500.000 đồng.

+ 01 (một) nón bảo hiểm, loại nón nửa đầu, màu bạc, vành nón lưỡi trai màu đen, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) áo sơ mi dài tay màu sọc xanh - trắng, cúc áo bằng nhựa màu trắng.

+ 01 (một) quần sọt bằng vải màu xanh (đã qua sử dụng).

- Trần Văn Phước D giao nộp:

+ 01 (một) nón bảo hiểm loại nửa đầu bằng nhựa màu trắng, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) nón lưỡi trai bằng vải, màu xám đen, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) áo sơ mi tay dài sọc đỏ - đen - trắng, phía sau có chữ “EVISU FORCE”, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) quần sọt vải màu đen, đã qua sử dụng;

+ Tiền Việt Nam 500.000 đồng.

+ 01 (một) xe mô tô biển số 71B4-047.75 nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, số máy 55P1033871, số khung RLCE55P10BY033869, màu sơn đỏ-đen, đã qua sử dụng.

+ 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số 71032174.

Quá trình điều tra, còn xác định được, vào ngày 15/6/2023 D rủ P đi tìm những người phụ nữ bán vé số để giật tài sản, P đồng ý nên điều khiển xe mô tô biển số 71B4-047.75 nêu trên chở D đến khu vực ấp A, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, P phát hiện bà Đỗ Thị A đang điều khiển xe đạp điện đi bán vé số, bên trong rổ xe phía trước có để một túi xách nên P dừng xe lại chờ cho bà A chạy qua rồi P điều khiển xe chở D đuổi theo bà A, thấy bà A dừng xe, bước xuống xe nghe điện thoại P điều khiển xe áp sát bên phải để D dùng tay phải giật lấy túi xách của bà A rồi tăng ga tẩu thoát đến cầu Sa Kê, thuộc ấp Vĩnh Hòa, xã Tân Hội, huyện Mỏ Cày Nam, D lục lấy được số tiền 1.700.000 đồng bên trong túi xách và chia nhau mỗi

người 850.000 đồng và tiêu xài hết. Sau khi lấy tiền, D vớt túi xách xuống sông, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 19/7/2023 và số 25/KL-HĐĐGTS ngày 20/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỏ Cày Nam kết luận 01 (một) túi xách, túi đeo chéo, màu xanh, dây đeo màu đen, trên túi xách có ghi dòng chữ “XỔ SỐ KIẾN THIẾT HẬU GIANG ngày thứ 7” và 01 (một) túi xách loại giả da, màu đen, kích thước khoảng 30cm x 20cm, có 03 ngăn, có dây đeo, đã qua sử dụng còn giá trị sử dụng nhưng không còn giá trị định giá.

Quá trình điều tra, các bị cáo Trần Văn Phước D, Bùi Thanh P đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ. Cơ quan điều tra đã trả cho bị hại Đặng Thị P 01 (một) túi xách và số tiền 1.000.000 đồng; trả cho ông Trần Thanh H xe mô tô biển số 71B4-047.75 và giấy đăng ký xe mô tô số 71032174 theo Quyết định xử lý vật chứng số 38/QĐ-ĐCSHS ngày 31/10/2023. Các bị cáo đã bồi thường cho bà Đỗ Thị A số tiền 1.700.000 đồng. Bà Đặng Thị P không yêu cầu các bị cáo trả lại 20.000 đồng. Các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì khác. Các vật chứng còn lại được tiếp tục tạm giữ.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKSMCN ngày 29 tháng 12 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre để xét xử đối với các bị cáo Trần Văn Phước D và Bùi Thanh P về tội “Cướp giật tài sản”, theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn Phước D và Bùi Thanh P giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh H giữ nguyên lời khai trong quá trình điều tra, không yêu cầu gì thêm.

Riêng 02 người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt, không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn Phước D và Bùi Thanh P phạm tội “Cướp giật tài sản”.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Văn Phước D từ 03 năm đến 04 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam là ngày 29/9/2023.

+ Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Bùi Thanh P từ 03 năm đến 04 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam là ngày 29/9/2023.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Đề nghị ghi nhận các bị cáo đã bồi thường cho bà Đỗ Thị A số tiền 1.700.000 đồng, bà Đặng Thị P không yêu cầu các bị cáo trả lại 20.000 đồng; Bà Đỗ Thị A, bà Đặng Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh H không có yêu cầu gì khác.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Đề nghị ghi nhận Cơ quan điều tra đã trao trả cho bị hại Đặng Thị P 01 (một) túi xách và số tiền 1.000.000 đồng; trả cho ông Trần Thanh H xe mô tô biển số 71B4-047.75 và giấy đăng ký xe mô tô số 71032174 theo Quyết định xử lý vật chứng số 38/QĐ-ĐCSHS ngày 31/10/2023.

+ Đối với:

* 01 (một) nón bảo hiểm, loại nón nửa đầu, màu bạc, vành nón lưỡi trai màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu sọc xanh - trắng, cúc áo bằng nhựa màu trắng; 01 (một) quần sọt bằng vải màu xanh (đã qua sử dụng) do Bùi Thanh P giao nộp.

* 01 (một) nón bảo hiểm loại nửa đầu bằng nhựa màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) nón lưỡi trai bằng vải, màu xám đen, đã qua sử dụng; 01 (một) áo sơ mi dài tay sọc đỏ - đen - trắng, phía sau có chữ “EVISU FORCE”, đã qua sử dụng; 01 (một) quần sọt vải màu đen, đã qua sử dụng do Trần Văn Phước D giao nộp.

Các vật chứng này các bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi cướp giật tài sản, không yêu cầu nhận lại nên đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thấy có lỗi, xin lỗi các bị hại và mong được giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm đoàn tụ với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người bị hại là bà Đặng Thị P và bà Đỗ Thị A vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, có đơn xin vắng, đã có lời khai cụ thể, rõ ràng tại cơ quan điều tra và việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, Kiểm sát

viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ cơ sở xác định:

Với động cơ vụ lợi cá nhân, trong 02 ngày 15 và 18/6/2023, Trần Văn Phước D cùng Bùi Thanh P đã sử dụng xe mô tô làm P tiện lưu thông 02 lần cướp giật tài sản của 02 bị hại trên địa bàn huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, chiếm đoạt tổng số tiền 2.720.000 đồng. Trong đó: Ngày 15/6/2023, tại ấp A, xã T, P điều khiển xe mô tô áp sát xe đạp điện của bà Đỗ Thị A cho D cướp giật của bà A một túi xách bên trong có 1.700.000 đồng; Ngày 18/6/2023 tại ấp Tân Thành Hạ, xã T, cả hai điều khiển xe mô tô cướp giật của bà Đặng Thị P một túi xách bên trong có 1.020.000 đồng. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[4]. Các bị cáo Trần Văn Phước D và Bùi Thanh P là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều biết rõ hành vi cướp giật tài sản nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật nhưng với động cơ tham lam, vụ lợi cá nhân đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội, đây là lỗi cố ý trực tiếp của các bị cáo. Các bị cáo dùng xe mô tô để thực hiện hành vi phạm tội nên thuộc trường hợp “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[5]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác; gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa P nơi xảy ra vụ án; gây tâm lý bất an cho người dân. Vì vậy, cần đưa vụ án ra xét xử là điều cần thiết, nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và nhằm phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này hiện nay.

[6]. Về vai trò đồng phạm:

Hành vi phạm của các bị cáo là đồng phạm nhưng với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc chặt chẽ. Đối với hành vi cướp giật tài sản ngày 15/6/2023, bị cáo D là người rủ rê, bị cáo P là người điều khiển xe mô tô chở bị cáo D tiếp cận bị hại A thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại. Đối với hành vi cướp giật tài sản ngày 18/6/2023, bị cáo P là người rủ rê và là người điều khiển mô tô chở bị cáo D tiếp cận bị hại Phước thực hiện hành vi cướp giật tài sản của bị hại. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 2.720.000 đồng, các bị cáo cùng chia

đều nhau để sử dụng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm.

[7]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Cả 02 bị cáo đều có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cụ thể là “phạm tội hai lần trở lên”.

[8]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với cả 02 bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại Phương có yêu cầu xin bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho 02 bị cáo. Ngoài ra, bị cáo D có bà nội là thương binh hạng 4/4; bị cáo P có con còn nhỏ, là lao động chính trong gia đình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên được áp dụng đối với các bị cáo.

[9]. Về mức hình phạt áp dụng cho từng bị cáo:

Cả hai bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, cả hai bị cáo cũng đều có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Do đó, trong lượng hình, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo. Hai bị cáo đều có vai trò như nhau nên mức hình phạt được áp dụng như nhau.

[10]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Xét thấy, bản thân các bị cáo không có thu nhập ổn định, hình phạt chính đã đủ sức răn đe nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường cho bà Đỗ Thị A số tiền 1.700.000 đồng. Bà Đặng Thị P không yêu cầu các bị cáo trả lại 20.000 đồng. Bà Đỗ Thị A, bà Đặng Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh H không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[12]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại Đặng Thị P 01 (một) túi xách và số tiền 1.000.000 đồng.

+ Đối với xe mô tô biển số 71B4-047.75 là tài sản của ông Trần Thanh H cho Trần Văn Phước D mượn nhưng không biết D dùng làm P tiện phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Trần Thanh H cùng giấy đăng ký xe mô tô số 71032174 là có căn cứ nên ghi nhận.

+ Đối với:

* 01 (một) nón bảo hiểm, loại nón nửa đầu, màu bạc, vành nón lưỡi trai màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu sọc xanh - trắng, cúc áo bằng nhựa màu trắng; 01 (một) quần sọt bằng vải màu xanh (đã qua sử dụng) do Bùi Thanh P giao nộp.

* 01 (một) nón bảo hiểm loại nửa đầu bằng nhựa màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) nón lưỡi trai bằng vải, màu xám đen, đã qua sử dụng; 01 (một) áo sơ mi dài tay sọc đỏ - đen - trắng, phía sau có chữ “EVISU FORCE”, đã qua sử dụng; 01 (một) quần sọt vải màu đen, đã qua sử dụng do Trần Văn Phước D giao nộp.

Các vật chứng này các bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi cướp giật tài sản, không yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

[13] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Trần Văn Phước D và Bùi Thanh P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Phước D và Bùi Thanh P phạm tội “Cướp giật tài sản”.

[1.1] Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Văn Phước D 03 (Ba) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam là ngày 29/9/2023.

[1.2] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Bùi Thanh P 03 (Ba) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giam là ngày 29/9/2023.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015: Ghi nhận các bị cáo đã bồi thường cho bà Đỗ Thị A số tiền 1.700.000 đồng. Bà Đặng Thị P không yêu cầu các bị cáo trả lại 20.000 đồng. Bà Đỗ Thị A, bà Đặng Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Thanh H không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[3]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

+ Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trao trả cho: Bị hại Đặng Thị P 01 (một) túi xách và số tiền 1.000.000 đồng. Trả cho ông Trần Thanh H xe mô tô biển số 71B4-047.75 và giấy đăng ký xe mô tô số 71032174.

+ Tịch thu tiêu hủy:

* 01 (một) nón bảo hiểm, loại nón nửa đầu, màu bạc, vành nón lưỡi trai màu đen, đã qua sử dụng; 01 (một) áo sơ mi dài tay màu sọc xanh - trắng, cúc áo bằng nhựa màu trắng; 01 (một) quần sọt bằng vải màu xanh (đã qua sử dụng) do Bùi Thanh P giao nộp.

* 01 (một) nón bảo hiểm loại nửa đầu bằng nhựa màu trắng, đã qua sử dụng; 01 (một) nón lưỡi trai bằng vải, màu xám đen, đã qua sử dụng; 01 (một) áo sơ mi dài tay sọc đỏ - đen - trắng, phía sau có chữ “EVISU FORCE”, đã qua sử dụng; 01 (một) quần sọt vải màu đen, đã qua sử dụng do Trần Văn Phước D giao nộp.

(Hiện các vật chứng nêu trên do Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đang quản lý – Theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 18/01/2024).

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Văn Phước D và Bùi Thanh P mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Công an huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thúy Hằng